TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v tranh chấp xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2020 về "*Tranh chấp xác định cha cho con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H.

- Bị đơn: ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1955, địa chỉ: KDC V, phường P, thị xã K, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vương Văn D, sinh năm 1964, Trú tại: Ngư Uyên, phường L, thị xã K, tỉnh H.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966, địa chỉ: Ngư Uyên, phường L, thị xã K, tỉnh H.

(*Nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi liên quan vắng mặt; người làm chứng có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Năm 2014, chị và anh Vương Văn D, sinh năm 1964, trú tại: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H chung sống với nhau. Trong thời gian này, ngoài anh D chị còn có quan hệ về mặt tình cảm với ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1955, trú tại: KDC V, phường P, thị xã K, tỉnh H. Khi chị sinh được cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014, chị và anh D đăng ký khai sinh cho cháu T2, cha là anh Vương Văn D. Năm 2015, chị và anh Vương Văn D đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L(nay là phường L) vào ngày 05/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị và anh D đã ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 65/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017. Tại bản án về con chung, đã giải quyết cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014 là con chung giữa chị và anh Vương Văn D, chị T được giao trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Vương Quốc T2.

Sau khi ly hôn, tháng 12/2018 anh Vương Văn D và cháu Vương Quốc T2 tiến hành xét nghiệm ADN, kết quả phân tích ADN xác định anh D và cháu T2 không có quan hệ huyết thống Cha – Con với nhau.

Tháng 8/2019, ông Trịnh Minh T1 và cháu Vương Quốc T2 tiến hành xét nghiệm ADN, kết quả phân tích ADN xác định ông Tuy và cháu T2 có quan hệ huyết thống Cha – Con với nhau.

Chị đã thông báo cho anh D, nhưng anh D không hợp tác mà còn gây khó khăn cho chị. Do vậy, để xác định đúng cha đẻ của cháu T2 cũng như đảm bảo các quyền lợi của cháu T2. Chị T đề nghị Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trịnh Minh T1 trình bày:

Năm 2014, ông và chị Dương Thị T, sinh năm 1988, trú tại: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H có quan hệ tình cảm với nhau, ông có được chị T nói giữa ông và chị T có con chung với nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian thì chị T có quan hệ tình cảm với anh Vương Văn D, sinh năm 1964, trú tại: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H và đi đến kết hôn nên ông và chị T không qua lại nữa. Năm 2017, chị T và anh D ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn giải quyết tại Bản án số 65/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017. Về con chung, tại bản án đã giải quyết cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014 là con chung giữa chị T và anh Vương Văn D.

Do nghi ngờ cháu T2 là con đẻ của ông, ông và cháu T2 đã tiến hành xét nghiệm ADN ở một số trung tâm giám định Gen kết quả phân tích ADN giữa ông và cháu T2 xác định có quan hệ huyết thống Cha – Con với nhau.

Nay, chị T có đơn yêu cầu Tòa án xác định ông là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014, ông xác định cháu T2 là con đẻ của ông và chị T. Do vậy, ông nhất trí với quan điểm của chị T đề nghị Tòa án xác định ông là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi liên quan anh Vương Văn D trình bày:

Anh và chị Dương Thị T, sinh năm 1988, trú tại: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2014, khi chị T sinh được cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014, anh và chị T làm thủ tục khai sinh cho cháu T2, anh là cha của cháu T2(khi đó giữa anh và chị T chưa đăng ký kết hôn). Năm 2015 anh và chị T kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã L(nay là phường L) đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh và chị T đã ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn(nay Tòa án thị xã K) giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 65/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017. Thời điểm anh và chị T ly hôn, cháu T2 xác định là con chung giữa anh và chị T, cháu T2 được giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị T cho anh biết cháu T2 không phải là con đẻ của anh. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận cháu Vương Quốc T2 là con đẻ của ông Trịnh Minh T1. Quan điểm của anh không nhất trí, anh D xác định tại bản án 65/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017 của Tòa án huyện Kinh Môn đã xác định cháu T2 là con chung của anh và chị T nên anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2021/QĐ-TCGĐ ngày 26/01/2021, yêu cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an thực hiện giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa ông Trịnh Minh T1 và cháu Vương Quốc T2:

Tại kết luận giám định số 35/C09-TT3 ngày 04/02/2021, của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2 với xác suất 99,99%.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2.

Bị đơn ông Tuy xác định cháu Vương Quốc T2 là con đẻ của ông, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập, kết quả giám định ADN kết luận ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên bố ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014.

Về án phí: Căn cứ vào b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là ông Trịnh Minh T1 cư trú, sinh sống tại phường P, thị xã K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H. Người có quyền lợi liên quan anh Vương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Vương Văn D.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha của cháu Vương Quốc T2. Bị đơn ông Trịnh Minh T1, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu Tòa án xác định ông là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2. Người có quyền lợi liên quan anh Vương Văn D, xác định cháu Vương Quốc T2 là con chung giữa anh và chị Dương Thị T nên anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2.

[3] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời thừa nhận của nguyên đơn chị T, bị đơn ông Tuy; lời khai của người có quyền lợi liên quan anh D xác định: Thời điểm năm 2014, chị Dương Thị T đã có quan hệ về

mặt tình cảm với ông Trịnh Minh T1 và anh Vương Văn D. Khi chị T sinh con, anh D, chị T thừa nhận con sinh ra là con chung và làm thủ tục đăng ký khai sinh là Vương Quốc T2, sinh ngày 17/10/2014, cha là Vương Văn D. Ngày 05/6/2015, chị T, anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L(nay là phường L). Ngày 12/9/2017, chị T, anh D ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn(nay Tòa án thị xã K) xử tại Bản án số 65/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017. Về con chung bản án xác định cháu Vương Quốc T2 là con chung của anh D, chị T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, yêu cầu Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2. Tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị T cung cấp kết quả phân tích ADN giữa chị với cháu Vương Quốc T2, kết quả xác định cháu Vương Quốc T2 là con đẻ của chị; cung cấp kết quả phân tích ADN giữa ông Trịnh Minh T1 và cháu Vương Quốc T2, kết quả phân tích ông Trình Minh Tuy và cháu T2 có quan hệ huyết thống Cha – Con với nhau. Ngày 26/01/2021, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2021/QĐ-TCGĐ, yêu cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an thực hiện giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa ông Trịnh Minh T1 và cháu Vương Quốc T2. Tại kết luận giám định số 35/C09-TT3 ngày 04/02/2021, của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2 với xác suất 99,99%. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu Tòa án xác định ông Trịnh Minh T1 là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp pháp luật được quy định tại Điều 88, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về chi phí giám định: Bị đơn ông Trịnh Minh T1 tự chi trả chi phí giám định cho cơ quan, tổ chức giám định. Ông Tuy không yêu cầu đề nghị gì thêm nên không phải giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

Ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1955, địa chỉ: KDC V, phường P, thị xã K, tỉnh H là cha đẻ của cháu Vương Quốc T2(sinh ngày 17/10/2014, theo giấy khai sinh số 116/2014, quyển số 01/2014, do UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh H cấp ngày 27/10/2014).

2. Về án phí: Chị Dương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T 300.000đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0003939 ngày 09/10/2020.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân tỉnh H;*
- *VKS nhân dân thị xã K;*
- *Chi cục thi hành án DS thị xã K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh